

Chuyên đề
Nhìn lại cuộc chiến 1954-1975

Trương Thái Du

Nỗi niềm hòa bình

Những người phụ trách:
Hoài Phi, Ngô Hải
Phạm Thị Hoài

talawas

<http://www.talawas.org>
red@talawas.org

TRƯỜNG THÁI DU

Nỗi niềm hòa bình

“Từ Bắc vô Nam tay cầm bó rau. Tay kia cầm sọt dây, dắt theo con cày.” Không lâu sau ngày 30.4.1975 người Sài Gòn đã hát câu ấy. Họ nhại theo giai điệu mà họ Trịnh truyền qua làn sóng phát thanh đến hàng triệu con tim Việt Nam, ngay sau khi tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

Thời điểm ấy y gần bảy tuổi. Chiếc loa công cộng cuối phố vỡ òa ngồn từ chiến thắng và những bản hùng ca. Song, y nhớ chính xác mẹ mình đã ôm chặt ba đứa con, nức nở nỗi niềm “hòa bình”. “Hòa bình rồi các con ơi”, mẹ y đã thốt lên như vậy. Y tin chắc rằng các bà mẹ Việt Nam đều giống nhau. Nếu không có hòa bình, vài năm nữa thôi, mẹ y lại phải tiễn các con ra trận, như đã tiễn em, tiễn cháu mình và không chảy nổi nước mắt khi nhận những tờ giấy báo tử vô hồn. Đến bây giờ y mới biết rằng “chiến thắng” và “hòa bình” có khoảng cách rất xa, từ “quan nói đời” đến “dân vạn đại”.

Cái giọng Bắc của anh em y, người miền Tây Nam Bộ xác định là giọng Huế, dân Sài Gòn chính xác hơn: *“Bắc Kỳ ăn cá rô cày. Ăn nhằm lựu đạn chết cha Bắc Kỳ”*. Văn học dân gian gọi đây là đồng dao chẳng? Y không rõ. Đó là bài ca ưa thích của lũ trẻ dưới mái trường XHCN vừa trưng thu từ Nhà thờ Công giáo. Một trong những con chiến của cái nhà thờ ấy, bằng giọng Bắc 1954, đã xui anh em y cứ vui đùa ngoài xa lộ thỏa thích. Xích lô máy và xe lam nườm nượp xuôi ngược đi và đến Bến xe Miền Đông sẽ tự biết đường mà tránh con “cán bộ”? Y ngạc nhiên lắm, nhưng không thể lý giải logic kì cục kia. Tuy vậy mỗi khi cha y cẩn thận lau chùi khẩu súng lục được phát để phòng thân, y cảm thấy an toàn lắm lắm. Y luôn hoàn thành nhiệm vụ canh gác gian bếp nhìn ra khoảnh giếng trời chung của mấy gia đình. Mẹ y bảo đã có trường hợp hàng xóm bỏ thuốc độc vào nồi canh đang nấu của một nhà “Bắc Kỳ” nọ.

Y có người bạn Nam Bộ đầu tiên sau khi trải qua ba bốn cuộc thư hùng chân tay, u đầu sứt trán vì “bất đồng ngôn ngữ”. Bạn bảo: “Cha tao đang đi học tập *mút mùa Lê Thủy* ở quê ngoại mày đó”. Y không thấy chút hận thù nào trong đôi mắt kẻ đồng trang lứa với mình. Chỉ có một câu hỏi ngây ngô bị vo tròn, nổi lên bên trên nỗi buồn trống vắng tinh khôi. Bảy năm sau y mới gặp cha bạn. “Kẻ thù của nhân dân” ăn chay ngay sau khi được tổ

dân phổ nhóm họp biểu quyết thuận tình trao quyền “công dân XHCN”, sáu tháng kể từ ngày ông được đoàn tụ cùng gia đình. Ông hiền như bụt, không nửa lời trách vợ có đạo phải son phấn đứng đường. Phải chăng “hòa bình” đã khiến gia đình bạn chịu trăm cay ngàn đắng? Bà mẹ nên được xem như gương tiết liệt?

Sau đôi ba ban học, y đã trở thành người Sài Gòn trăm phần trăm, từ giọng nói đến tác phong sinh hoạt. Y hát tân cổ giao duyên không chệ vào đâu được: *“Tổ quốc ơi, ăn khoai mì mãi mãi. Từ trận thắng hôm nay, ta ăn độn bằng mười. Từ trận thắng hôm nay ta ăn độn nhiều hơn...”*. Những ngày đôi vàng mắt ấy, đến mùi mỡ sa lợn xè hiếm hoi dậy lên lúc ai đó nấu ăn, cũng làm đám trẻ con ham chơi đùa trong khu xóm băng khuâng và ao ước.

Chẳng biết có phải do kinh nghiệm trùm chặn bom B52 vào mùa đông năm nào, y dễ dàng phân biệt được tiếng gậm đái bác từ biên giới Tây Nam với kiểu nổ bùm bụp của lò ngô bung cùng dây phở. Bà “có Tàu” cách nhà y một căn lại không được như vậy, mỗi khi nghe tiếng nổ bà lại cuống quýt vài câu Việt ngữ ngọng nghịu: “Giặc lùn đến rồi, Nhật đến rồi. Chạy đi, không chết hết!”. Cuối cùng Hội phụ nữ phường cũng mời họ trao đổi gì đó. Gia tộc bà lạng lẽ về Rạch Giá mua thuyền ra biển lớn, đương đầu với sóng dữ và cướp biển. Mười năm sau y mới ngộ ra giải liền mồ côi nhưng bắt mắt nhất trong nhà bà vốn là hai câu thơ trong bài *Thất bộ thi* của Tào Thự: *“Bản thị đồng căn sinh. Tương tiễn hà thái cấp”*.

30.4.1975 mãi mãi là một dấu mốc quan trọng trong đời y, còn hơn cả ngày sinh của y nữa. Không phải nó luôn được nhắc đến mỗi khi y làm giấy tờ đi học hoặc đi làm. Lý lịch cá nhân và gia đình ba đời y đôi khi còn cả mốc trước và sau 1954 nữa. Cứ thêm một ngày 30.4 là y hiểu thêm một chút ý nghĩa nỗi niềm hòa bình của cha mẹ mình, cũng như rất nhiều người Nam Bộ thời ấy, qua những câu chuyện khơi gợi trà dư tửu hậu. Y kết luận rằng có đến 80% người dân Việt Nam nghĩ đến hòa bình và thống nhất, hơn là chiến thắng, trong ngày 30.4.1975. Đáng buồn là, với nhiều cộng đồng và xã hội Việt Nam đây đó trên hoàn cầu, nguyên nghĩa của đa số hay bị đảo pha sang “quốc hận” hoặc “chiến thắng”, như trêu người

và âm mưu tiếp tục đối chọi nhau. “Hòa hợp” chưa đủ sức sống, trung thực và dũng cảm để mà đâm chồi trên đau thương cũ.

Thật ra rất khó có thể nhìn cuộc chiến 1954-1975 dưới nhãn quan nhị nguyên đúng và sai được. Y biết rằng luôn luôn tồn tại những cặp nguyên nhân song hành với nhau, chia đều, đứng về phía này và phía kia. Khi còn đứng ở phía này hay phía kia để nhìn nhận cuộc chiến, thì hận thù và chia rẽ sẽ chẳng bao giờ mất đi. Có người còn bảo hãy để những năm tháng dằng dặc bi thương ấy lụi tàn!? Chẳng khác nào những cánh bướm lộng lẫy cần quên thời gian là con sâu xấu xí, nằm trong cái kén xám xịt tối tăm. Thậm chí, nhà thơ Linh Phương đã cố gắng đứng giữa hai bên, nhưng ông vẫn phải nghiền ngẫm cay đắng:

*Tôi xin được hỏi đồng bào của tôi
 Những người lính Bắc Việt chết – đều được trở về nhà
 Những người lính Mỹ chết – đều được trở về Tổ quốc
 Những người lính Việt Nam Cộng hòa chết – vẫn còn nằm nơi rừng thiêng – nước độc
 Còn nằm bên núi đá lạnh căm căm
 Đâu là nhân bản – đâu là nhân văn
 Đâu là người Việt Nam cao thượng
 Đâu là người Việt Nam anh hùng
 Sao nỡ để tồn tại những điều oan trái?*

Tôi xin được hỏi đồng bào thân yêu của tôi ở hải ngoại

*Tôi xin được hỏi đồng bào thân yêu của tôi ở quê nhà
 Ba mươi hai năm cuộc chiến trôi qua
 Vì đâu hận thù vẫn còn ở lại?*

Giữa những người Việt Nam với nhau, 30.4.1975 hoàn toàn có cơ hội trở thành ngày tụng ca hòa bình, hòa hợp và hòa giải. Cái họ thiếu luôn là thiện chí và lý tính.

Nhìn rộng ra nhân loại, 30.4.1975 ít nhất cũng là bài học lịch sử đắt giá không thể lãng quên cho người Việt Nam. Theo thuyết đưng độ giữa các nền văn minh của Huntington¹ thì Việt Nam nằm ở nơi đứt gãy và liên giao của các nền văn hóa Trung – Ấn – Âu. Ông cho rằng thế kỷ 21 (cụ thể là năm 2010), chiến tranh thế giới có khả năng xảy ra tại đây. Ở góc độ hẹp và được cộng hưởng nào đấy, Huntington hữu lý khi cho rằng Việt Nam từng là điểm nóng của chiến tranh lạnh, nơi hai thế giới tư bản và cộng sản cọ xát.

Ba mươi lăm năm đã đi qua như một chớp mắt. Vẫn còn đầy nhiều suy tư lắng đọng và lưu cữu. Người ta sẽ chẳng đi đến đâu, nếu không đặt suy tư ấy trên căn bản của nỗi niềm hòa bình nhân bản và những bài học đau thương trong giai đoạn 1954 – 1975. ■

¹ Việt Nam và 'thế giới Trung Hoa', Trương Thái Du